

Giải pháp tỷ giá và tín dụng để thúc đẩy xuất khẩu

Th.S PHẠM MINH ĐIỂN

Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam

Từ đầu năm 2009 đến nay kinh tế thế giới, đặc biệt là các nền kinh tế lớn như: Mỹ, Nhật Bản, Anh, khu vực đồng tiền chung châu Âu, Cộng hòa Liên bang Nga và một loạt quốc gia khác, vốn là thị trường xuất khẩu chủ lực hàng hóa của Việt Nam đã bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Do đó một mặt các nhà nhập khẩu của các quốc gia đó đã yêu cầu và thực hiện giảm khối lượng mặt hàng đã ký kết hợp đồng, giảm đơn hàng, giãn tiến độ thực hiện, giảm giá hàng nhập khẩu và thậm chí là hủy hợp đồng thương mại. Tình hình đó đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam cũng như các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Nhìn lại hoạt động xuất nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2009 có thể thấy rõ tác động nói trên. Theo số liệu của Văn phòng Chính phủ công bố mới đây, kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2009 của cả nước đạt 37,3 tỷ USD, giảm tới 14,3% so với cùng kỳ năm 2008. Xuất khẩu giảm chủ yếu do thị trường bị thu hẹp và tác động của yếu tố giảm giá hàng xuất khẩu. Theo tính toán của cơ quan chức năng, riêng yếu tố giảm giá đã làm cho kim ngạch xuất khẩu giảm trên 6 tỷ USD, bằng khoảng 17% tổng kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng qua. Kim ngạch

nhập khẩu của cả nước 8 tháng đầu năm 2009 đạt 42,4 tỷ USD, giảm 42,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 8 tháng đầu năm, nhập siêu 5,1 tỷ USD, bằng 13,7% kim ngạch xuất khẩu. Như vậy, khủng hoảng tài chính toàn cầu ảnh hưởng cả đến xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam. Tất nhiên riêng kim ngạch nhập khẩu giảm mạnh còn do Chính phủ chỉ đạo thực hiện các biện pháp hạn chế nhập siêu.

Trước diễn biến nói trên, một trong những giải pháp quan trọng được Chính phủ đề ra trong phiên họp mới đây để đạt được các mục tiêu kinh tế của cả năm 2009 đó là thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu.

Về chính sách tỷ giá cho thúc đẩy xuất khẩu, vừa qua có một số ý kiến đề nghị Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phá giá đồng tiền Việt Nam. Biện pháp này nhìn bề ngoài thì có thể tác động phần nào đến nhập khẩu nhưng phân tích bản chất thì tăng trưởng xuất khẩu bền vững không thể trông chờ vào yếu tố tỷ giá được. Hơn nữa, việc phá giá Đồng Việt Nam sẽ có tác động đa chiều, có khi tác động ngược lại còn lớn hơn là mặt tích cực.

Theo tính toán của NHNN, cơ quan chức năng điều hành chính sách tỷ giá và điều tiết cung cầu ngoại tệ trên thị trường, nếu như để Đồng Việt Nam chỉ cần





mất giá 5% thôi thì mỗi năm ngân sách nhà nước sẽ chi thêm 26.000 tỷ đồng để trả nợ nước ngoài, các doanh nghiệp cũng phải trả nợ thêm 13.000 tỷ đồng. Nói cách khác, phá giá VND, hay để ngoại tệ tăng giá so với VND thì sẽ làm tăng gánh nặng nợ nước ngoài của cả Chính phủ và nợ nước ngoài của doanh nghiệp.



nước trên thế giới đã chỉ ra rằng, việc tăng kim ngạch xuất khẩu còn tùy thuộc vào năng lực cạnh tranh của hàng xuất khẩu, chủng loại, chất lượng và uy tín của sản phẩm, khả năng tìm kiếm thị trường mới,... chứ không phải trông chờ vào phá giá. Thực tiễn tại Trung Quốc cũng cho thấy, Ngân hàng Trung ương nước này trong thời gian dài thực hiện chính giá tỷ giá cố định. Không những không phá giá Đồng Nhân dân tệ mà với việc giữ tỷ giá cố định cũng đồng nghĩa với

Một tác động lớn thứ hai đó là giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu, ô tô, thiết bị vi tính, thiết bị bưu chính viễn thông, máy móc thiết bị khác và ngay cả hàng tiêu dùng có chất lượng cao mà trong nước chưa sản xuất được,...nhập khẩu sẽ đắt thêm tương ứng. Tình hình đó làm tăng thêm giá thành sản phẩm, trong đó có giá thành hàng xuất khẩu, tăng giá bán lẻ thị trường trong nước. Bởi vì một tỷ trọng khá hàng xuất khẩu của Việt Nam phải nhập nguyên vật liệu từ nước ngoài. Ngay cả mặt hàng dầu mỏ cũng không phải là hưởng lợi. Bởi vì kim ngạch nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ lớn hơn kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó phần lợi từ xuất khẩu dầu thô do tăng tỷ giá VND/USD được phân chia cho các bên liên doanh theo tỷ lệ hợp đồng liên doanh, chứ không phải Việt Nam được hưởng lợi toàn bộ. Ngược lại giá bán lẻ xăng dầu trong nước tăng do tỷ giá tăng thì do người tiêu dùng, các doanh nghiệp gánh chịu, không những thế nó còn tác động lên hàng loạt lĩnh vực khác sử dụng xăng dầu.

Nói tóm lại, nếu phá giá VND, dù chỉ là mức 4-5% thôi sẽ tạo nên một mặt bằng giá mới thị trường trong nước, tác động làm tăng chỉ số CPI. Mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2009 rõ ràng khó có thể đạt được.

Quay trở lại phân tích kỹ hơn đến hoạt động xuất khẩu. Thực tiễn ở Việt Nam cũng như các

việc Trung Quốc nâng giá nội tệ. Mặc dù dưới sức ép của nhiều quốc gia Châu Âu và Mỹ yêu cầu Trung Quốc thả nổi tỷ giá hay tiếp tục nâng giá Nhân dân tệ để giảm nhập siêu với các thị trường nói trên. Tại Nhật Bản cũng vậy, trong những năm gần đây Đồng Yên cũng không ngừng lên giá từ mức 1 USD đổi được 115 – 117 JPY, xuống còn 90 JPY. Nhưng cả Trung Quốc và Nhật Bản đều tăng trưởng mạnh kim ngạch xuất khẩu trong những năm trước đây nhờ khả năng cạnh tranh của sản phẩm, khả năng mở rộng thị trường.

Tuy không thể trông chờ nhiều vào tỷ giá nhưng để tiếp tục thúc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay thì cơ chế điều hành tỷ giá và chính sách quản lý cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện để không xảy ra nhưng căng thẳng về cung cầu ngoại tệ, gây ra nhưng biến động bất thường về tỷ giá trên thị trường.

Chính phủ cần chỉ đạo NHNN nên kiên trì chính sách tỷ giá linh hoạt theo hướng ổn định tương đối, không nên phá giá Đồng Việt Nam cũng không nên để tỷ giá biến động lớn vì ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt kinh tế xã hội.

Trong thực tế, từ đầu năm 2009 đến nay tuy không tuyên bố phá giá nội tệ, nhưng tỷ giá diễn biến trên thị trường cũng theo hướng tăng. Theo

số liệu của Tổng cục Thống kê, bình quân 8 tháng đầu năm 2009 tỷ giá VND/USD tăng 9,02% so với cùng kỳ năm 2008. Còn nếu tính riêng tỷ giá tháng 8-2009 so với tháng 12-2008 tỷ giá VND/USD tăng tới 6,36%.

Như vậy có thể thấy, trong 8 tháng đầu năm 2009, Đồng Việt Nam đã bị “phá giá” ở mức khá (trên 5%), nhưng không tác động gì rõ rệt tới xuất khẩu như số liệu được nêu ở đầu bài viết.

Một giải pháp khác cũng rất quan trọng đó là chính sách thắt chặt tín dụng không nên nhằm vào lĩnh vực xuất khẩu. Hiện nay nhiều ngân hàng thương mại (NHTM), tập trung chủ yếu là các NHTM Nhà nước, kể cả NHTM Nhà nước đã được cổ phần hóa đang hạn chế cho vay để thực hiện mục tiêu hạn chế tăng trưởng tín dụng không quá 25 – 27% theo chỉ đạo của NHNN. Đây là khối NHTM chiếm tới trên 63% thị phần tín dụng trong cả nước. Tình hình đó ảnh hưởng lớn tới việc đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh nói chung, trong đó có hoạt động xuất khẩu. Ngay cả việc thu mua lúa gạo xuất khẩu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay cũng đang gặp trở ngại về việc khó vay vốn NHTM để thu mua.

Chính sách hỗ trợ lãi suất cũng cần mở rộng cho vay tới các doanh nghiệp, các lĩnh vực sản xuất, chế biến, thu mua hàng xuất khẩu. Nếu như gói kích cầu hỗ trợ 4%/năm lãi suất vốn vay ngắn hạn kết thúc vào cuối năm 2009, thì đầu năm 2010 Chính phủ nên cho triển khai gói kích cầu thứ hai

với mức có thể chỉ cần hỗ trợ 2%/năm lãi suất vốn vay ngắn hạn NHTM cho hoạt động xuất khẩu.

Thúc đẩy xuất khẩu còn có ý nghĩa rất quan trọng đó là tiêu thụ lúa gạo, nông sản và thủy sản cho người nông dân, tạo việc làm cho người lao động, đảm bảo nguồn cung ngoại tệ, kiềm chế lạm phát. Bởi vậy chính sách tỷ giá và chính sách tín dụng cần được linh hoạt, sát thực tiễn trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới hiện nay. ■

TỶ GIÁ BÌNH QUÂN CỦA VND/USD TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ LIÊN NGÂN HÀNG VÀ NHTMCP NGOẠI THƯƠNG THÁNG 08 + 09/2009

NGÀY	Trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng		Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương*	
	THÁNG 08	THÁNG 09	THÁNG 08*	THÁNG 09*
1	16,968	16,976	17,815	17,825
2			17,815	17,825
3	16,968	16,977	17,816	17,826
4	16,966	16,975	17,814	17,824
5	16,967	16,976	17,815	17,824
6	16,965		17,813	17,824
7	16,966	16,976	17,814	17,825
8	16,964	16,978	17,814	17,827
9		16,981	17,814	17,832
10	16,964	16,983	17,812	17,832
11	16,965	16,982	17,813	17,831
12	16,964	16,984	17,812	17,831
13	16,964		17,812	17,831
14	16,965	16,984	17,813	17,833
15	16,966	16,986	17,813	17,835
16		16,987	17,813	17,836
17	16,966	16,985	17,814	17,834
18	16,968	16,986	17,816	17,835
19	16,969	16,988	17,817	17,835
20	16,967		17,815	17,835
21	16,968	16,988	17,816	17,837
22	16,970	16,990	17,816	17,840
23		16,989	17,816	17,838
24	16,970	16,991	17,819	17,841
25	16,972	16,992	17,821	17,842
26	16,971		17,820	17,842
27	16,973		17,822	17,842
28	16,972	16,994	17,821	17,844
29	16,974	16,993	17,821	17,843
30		16,991	17,821	17,841
31	16,974		17,823	
BÌNH QUÂN	16,968	16,985	17,816	17,834

(*) Trong tháng tỷ giá mua bằng tỷ giá bán

MỸ HẠNH